

NHỮNG NÉT ĐỔI MỚI CỦA MÔ HÌNH TRƯỜNG HỌC MỚI VNEN

ĐỖ THỊ NGUYỆT*

Ngày nhận bài: 22/06/2017; ngày sửa chữa: 10/07/2017; ngày duyệt đăng: 10/07/2017.

Abstract: VNEN (Vietnam Escuela Nueva) is the new school model with the goal is to help students build independence and promoting creative thinking, the overcome difficulties in learning. With this model, students have been seen the center of teaching in order to develop their maximum competence such as competence of collaboration, management, presentation, etc. The success of this model will contribute to meet requirements of fundamental and comprehensive education reform in our country today.

Keywords: VNEN new school model, education reform.

VNEN là một trong những mô hình nhà trường phát triển theo xu hướng hiện đại, với định hướng tiếp cận là giáo dục năng lực của người học. Dựa trên cơ sở mô hình dạy học truyền thống, mô hình này đã tiến hành nghiên cứu, chuyển đổi các thành tố trong Chương trình dạy học, đặc biệt các nội dung về mặt sư phạm theo định hướng tiếp cận giáo dục của mô hình.

Mô hình VNEN là một quá trình chuyển đổi từ mô hình dạy học chủ yếu truyền thụ kiến thức sang mô hình dạy học, giáo dục hình thành nhân cách và phát triển năng lực của học sinh (HS). Trong quá trình tiếp cận mô hình trường học mới VNEN, chúng tôi nhận thấy những nét đổi mới cơ bản và đạt nhiều ưu điểm; bên cạnh đó quá trình thực hiện mô hình trường học mới VNEN cũng vẫn còn một số hạn chế cần khắc phục nhằm nâng cao chất lượng giảng dạy của giáo viên (GV) và sự tiếp thu bài của HS tiểu học trong quá trình chủ động chiếm lĩnh tri thức của HS.

1. Mô hình trường học mới VNEN đổi mới theo hướng đổi mới, hiện đại

Tư tưởng đổi mới của mô hình trường học mới VNEN thể hiện qua một số nội dung sau:

- Dạy và học thông qua tổ chức các hoạt động của HS. Tổ chức các hoạt động học tập của HS cần phải trở thành trung tâm của quá trình giáo dục.

- Chú trọng rèn luyện phương pháp tự học, phương pháp tư duy và phương pháp giải quyết vấn đề. Đây là những phẩm chất và điều kiện tốt nhất để có thể duy trì thói quen học tập thường xuyên và học tập suốt đời của HS.

- Tăng cường học tập của mỗi cá nhân, phối hợp với học hợp tác và học nhóm. HS là chủ thể của quá trình học, tự mình chủ động chiếm lĩnh kiến thức. Tạo ra môi trường học tập tương tác, thầy - trò, trò - trò vì thế nó có tác dụng rất tốt để phát huy năng lực của mỗi cá nhân HS.

- Dạy và học chú trọng tới sự quan tâm và hứng thú của HS, nhu cầu và lợi ích của xã hội. Dạy HS trên những gì các em đã có, quá trình học tập đã tạo sự hứng thú, trí óc tò mò, sáng tạo cho HS. HS phải biết cách làm việc độc lập, sáng tạo, biết tổ chức công việc để giải quyết các đòi hỏi của xã hội và nhu cầu đa dạng, phức tạp của công việc sau này.

- Dạy và học coi trọng hướng dẫn tìm tòi, học qua trải nghiệm. GV hướng dẫn mang tính định hướng mà không có ý áp đặt trong quá trình học của HS.

- Kết hợp đánh giá của thầy với tự đánh giá của trò, của gia đình, cộng đồng. Ngoài đánh giá kết quả học (đánh giá kết thúc) rất coi trọng đánh giá bằng nhận xét qua quá trình học của HS (đánh giá theo tiến trình, đánh giá theo từng phần).

Điểm mới có tính chất tiên quyết trong mô hình VNEN là cách soạn tài liệu Hướng dẫn học. Hoạt động đổi mới về tài liệu Hướng dẫn học là khâu quan trọng, quyết định đến việc thực hiện hiệu quả dạy học "lấy người học làm trung tâm".

Có thể nói, mô hình VNEN đã đưa ra một chương trình học phong phú và bổ ích, thúc đẩy việc học tập của HS chủ yếu là tự học, tự chiếm lĩnh tri thức, giúp HS: - Tự tin, biết cách suy nghĩ; - Biết cộng tác, hợp tác với mọi người; - Có kĩ năng làm việc nhóm; - Biết quan tâm, có trách nhiệm trong các hoạt động; - Biết phấn đấu, làm chủ quá trình học tập của mình; - Có nhiều kĩ năng trong giao tiếp và kĩ năng sống;

Mô hình trường học mới VNEN đã làm thay đổi quy trình sư phạm của GV: - Nghiệp vụ sư phạm theo hướng đổi mới được nâng cao hơn; - Có kĩ năng điều hành các hoạt động dạy học; - Biết cộng tác theo xu hướng tích cực trong giáo dục; - Biết quan tâm và hỗ trợ đồng nghiệp;

* Trường Đại học Hồng Đức

Mô hình trường học mới VNEN đã gắn kết quá trình học tập cùng với phụ huynh HS và cộng đồng: - Phụ huynh có trách nhiệm và tham gia với nhà trường nhiều hơn; - Phụ huynh đã hỗ trợ các hoạt động cụ thể cho nhà trường; - Phụ huynh được tiếp nhận, bổ sung tri thức từ nhà trường thông qua HS.

2. Những ưu điểm và hạn chế trong dạy học của mô hình VNEN

2.1. Ưu điểm. Mô hình VNEN là mô hình giáo dục được cải tiến nhằm khắc phục những hạn chế của giáo dục “truyền thống”; là quá trình tổ chức cho HS hoạt động để khám phá và chiếm lĩnh các kiến thức mới. Bản chất quá trình học tập của VNEN được diễn ra thông qua đối thoại và tương tác lẫn nhau giữa HS với HS, giữa HS với GV. Trong quá trình triển khai, mô hình này đã thể hiện rõ những ưu điểm sau:

- HS được học theo mô hình này chắc chắn sẽ phát triển toàn diện hơn, các em có năng lực ứng xử với thực tế cuộc sống tốt hơn. HS đã tỏ rõ sự mạnh dạn, tự tin hơn trong giao tiếp, kĩ năng sống của các em theo đó được phát triển. Điều này, HS học theo mô hình hiện hành không có.

- Cán bộ, GV đã có thay đổi sâu sắc quan niệm về nhà trường. Nhà trường không chỉ là nơi dạy chữ mà còn là nơi dạy, chăm sóc toàn diện cho HS. Đây thực sự là môi trường học tập, vui chơi thân thiện, nơi gắn kết các mối quan hệ: quan hệ giữa HS với HS, giữa nhà trường với HS, giữa nhà trường và phụ huynh HS, giữa GV với HS. Trong môi trường này, các hoạt động giáo dục được thực hiện rất dân chủ, thân thiện, tạo cảm giác tin cậy, ấm áp đối với HS.

- Mô hình dạy học đã làm thay đổi quá trình sư phạm của GV. GV đã từ chỗ một mình, tự mình quyết định cung cấp cho HS những kiến thức gì trong môn học với cách dạy hiện hành thì ở mô hình này, “quyền năng” đó đã được san sẻ cho HS với sự gợi ý của tài liệu Hướng dẫn học. HS đã thực sự làm chủ cách học, làm chủ kiến thức.

- Với mô hình này, HS được phát triển các năng lực (năng lực tự quản, năng lực hợp tác, năng lực quản lí, năng lực thuyết trình,...), đáp ứng yêu cầu của đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục nước nhà, đào tạo con người theo định hướng phát triển năng lực; HS được phát huy tối đa sự hiểu biết, năng lực của bản thân; số lần HS được bày tỏ ý kiến nhiều hơn; những HS yếu được GV quan tâm nhiều hơn và được các bạn trong nhóm giúp đỡ để hoàn thành nhiệm vụ.

Điểm khác biệt lớn nhất là trước kia để đánh giá được mức độ hiểu bài của HS sau mỗi tiết học, GV cũng chỉ có thể kiểm tra một vài HS; nhưng ở mô hình này, tất cả HS đều được các bạn khác trong nhóm kiểm tra nên không xảy ra tình trạng “bị bỏ rơi”.

- Thực hiện chương trình VNEN mở ra cơ hội để sự phối hợp nhà trường với các đoàn thể, giữa GV với phụ huynh và cộng đồng xã hội chặt chẽ hơn. Phụ huynh trực tiếp tham gia giáo dục con em mình, trực tiếp tham gia dạy con em mình thông qua việc thực hành kĩ năng của các em. Nhà trường thường xuyên liên lạc và phối hợp với phụ huynh và các tổ chức xã hội, vấn đề xã hội hóa giáo dục tiến hành rất tốt. Dư luận và phụ huynh đồng tình, ủng hộ và mong muốn tham gia vào công việc chung của nhà trường, của lớp để thể hiện trách nhiệm. Vì vậy, công tác xã hội hóa quá trình giáo dục không cần hào hào mà đã trở thành nhu cầu tự thân. Rất nhiều hiệu ứng tích cực từ các lớp học VNEN đã tạo ra không khí lao động sáng tạo ở mỗi nhà trường, điều mà trước đây ở mô hình dạy học hiện hành là không thể có được.

Điểm mới có tính chất tiên quyết trong mô hình VNEN là cách soạn tài liệu Hướng dẫn học. Hoạt động đổi mới về tài liệu Hướng dẫn học là khâu quan trọng, quyết định đến việc thực hiện hiệu quả dạy học “lấy người học làm trung tâm”. Tài liệu học tập “ba trong một” (Tài liệu hướng dẫn học dùng cho cả ba đối tượng: GV, HS, phụ huynh) đã mang lại những ưu điểm nổi bật: HS tự học, hiểu và làm được như sách hướng dẫn, GV hiểu để tổ chức tốt cho HS học, phụ huynh hiểu con học những gì và học như thế nào. Thực sự, đây là bước đột phá cho công cuộc đổi mới phương pháp dạy học.

2.2. Những hạn chế, bất cập: - HS tiểu học còn nhỏ, một số HS còn hạn chế về kĩ năng sử dụng tiếng Việt nên khó khăn trong việc giải quyết các yêu cầu trong bài; - HS nông thôn giao tiếp còn yếu; - Sĩ số HS trong lớp còn quá đông, rất khó cho việc chia nhóm, kê lại bàn ghế đủ cho HS trong một lớp thực hiện dạy học theo mô hình mới. Theo quy chuẩn thì mô hình trường học mới cần phòng học tối thiểu 100m² trong khi thực tế phòng học của các lớp chỉ rộng 50m²; - Không phát huy được khả năng sáng tạo của GV: những hoạt động ứng dụng cho HS rất rập khuôn; tài liệu dạy học được hướng dẫn quá tỉ mỉ; - Không sử dụng tới các thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy và học; - Tài liệu được biên soạn quá dài, HS ngại đọc nhất là với đối tượng HS lớp 1, 2. Một số em còn chưa đọc thông viết thạo nên quá trình tự đọc và làm bài rất khó khăn; - Bài tập ứng dụng quá khó, nếu GV không hướng dẫn sẽ không làm được; - Nhiều ngữ liệu chưa phù hợp với các vùng, miền; - HS rất ôn. Cách bố trí học nhóm tạo điều kiện cho một số em lười học nói chuyện riêng trong khi cô giáo bận đi hướng dẫn các nhóm khác; - Có một số tiết của một số môn, HS không thể ghi kịp đề bài vào vở

(Xem tiếp trang 265)

lượng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục theo hướng chuẩn hóa; đặc biệt chú trọng nâng cao tinh thần trách nhiệm, đạo đức và lương tâm nghề nghiệp cũng như trình độ năng lực chuyên môn, nghiệp vụ, phong cách sư phạm của đội ngũ nhà giáo. Theo đó, ngoài phẩm chất chính trị, lối sống, tác phong, nhà giáo phải có đạo đức nghề nghiệp: “tâm huyết với nghề nghiệp, có ý thức giữ gìn danh dự, lương tâm nhà giáo”; có tinh thần đoàn kết, thương yêu, giúp đỡ đồng nghiệp trong cuộc sống và trong công tác; có lòng nhân ái, bao dung, đối xử hòa nhã với người học, đồng nghiệp; sẵn sàng giúp đỡ, bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người học, đồng nghiệp và cộng đồng. Nhà giáo phải “tận tụy với công việc”; “công bằng trong giảng dạy”, chống bệnh thành tích, “thường xuyên học tập nâng cao trình độ chuyên môn” để hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, đáp ứng nhu cầu ngày càng cao của sự nghiệp giáo dục.

Trong những năm qua, chúng ta đã chú trọng việc “bảo đảm đủ số lượng, nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên ở tất cả các cấp học, bậc học”. Tuy nhiên, bên cạnh những người thầy âm thầm cống hiến cho sự nghiệp trồng người, hết lòng vì học sinh thân yêu chúng ta cũng không khỏi băn khoăn khi ngày càng nhiều trên các phương tiện truyền thông đại chúng, một bộ phận giáo viên tha hóa về đạo đức, nhân cách: tình trạng bạo lực học đường, xúc phạm đến nhân phẩm học trò, lợi dụng học trò và phụ huynh, chạy theo thành tích, tham ô của nhà trường, nhạt nhòa lí tưởng..., không có lời phê nào nặng hơn đối với một nhà giáo, một nhà trường, thậm chí với cả một nền giáo dục. Để khắc phục những hạn chế đó, hơn lúc nào hết, chúng ta cần trở lại với tư tưởng Hồ Chí Minh, với những luận điểm khoa học, thiết thực về năng lực, phẩm chất của nhà giáo; về xây dựng tập thể những người làm công tác giáo dục; về xây dựng lòng yêu nghề, yêu người; về động lực phát triển của nền giáo dục... để vận dụng có hiệu quả những nội dung ấy trong công cuộc cải tổ nền giáo dục nước nhà hiện nay.

Như vậy, việc nghiên cứu, quán triệt và thực hiện đúng đắn những lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh về rèn luyện phẩm chất, năng lực của đội ngũ nhà giáo càng trở nên cấp thiết hơn bao giờ hết, chúng ta cần xây dựng được đội ngũ những người làm công tác giáo dục có đầy đủ phẩm chất, năng lực, vừa “hồng”, vừa “chuyên” như Chủ tịch Hồ Chí Minh từng căn dặn. Điều này không những để khẳng định tri thức, trình độ phát triển nền giáo dục của nước nhà, mà còn góp phần quan trọng cho thắng lợi của công cuộc đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước trên con đường hội nhập quốc tế. Những đổi mới ấy chính là sự thay

đổi về nhận thức, tư duy, nhiệt huyết và sự sáng tạo của giáo viên, để từ đó, họ có những đổi mới ngay trong hành động, lời nói, cách ứng xử với học sinh, với đồng nghiệp, đổi mới trong cách dạy và học. Kế thừa và phát huy những tinh hoa trong tư tưởng của Chủ tịch Hồ Chí Minh, Đảng ta đã xác định: “phải coi sự nghiệp GD-ĐT cùng với khoa học và công nghệ là quốc sách hàng đầu” [10; tr 35] nhằm phát huy nhân tố con người, coi đó động lực trực tiếp để phát triển xã hội, đáp ứng yêu cầu của sự nghiệp CNH, HĐH trong bối cảnh hội nhập quốc tế hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 51) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [2] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 12) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [3] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 14) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [4] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 10) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [5] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 6) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [6] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 9) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [7] *Hồ Chí Minh toàn tập*, (tập 15) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [8] *Hồ Chí Minh Toàn tập*, (tập 1) (2011). NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.
- [9] Đảng Cộng sản Việt Nam (1991). *Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ VII*. NXB Sự thật.
- [10] Đảng Cộng sản Việt Nam (2001). *Văn kiện Đại hội Đại biểu toàn quốc lần thứ IX*. NXB Chính trị Quốc gia - Sự thật.

Những nét đổi mới...

(Tiếp theo trang 261)

để làm (sách giáo khoa hiện hành có vở Bài tập ghi đề bài sẵn, HS chỉ việc điền vào). □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đặng Tự Ân (2014). *Mô hình trường học mới Việt Nam. Hỏi - Đáp*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [2] Bộ GD-ĐT - Vụ Giáo dục Tiểu học - Dự án Mô hình trường học mới Việt Nam (2013). *Hướng dẫn tổ chức sinh hoạt chuyên môn tại các trường thực hiện mô hình trường học mới Việt Nam*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [3] Bộ GD-ĐT (2015). *Hướng dẫn học Tiếng Việt 5 (tập 2A)*. NXB Giáo dục Việt Nam.
- [4] www.nhandan. Vụ Giáo dục Tiểu học.com.vn/Dự án mô hình trường học mới Việt Nam/30795202 thay-gi-ve-thuc-hien-thi-diem.
- [5] Bộ GD-ĐT (2015). *Tài liệu tập huấn mô hình trường học mới VNEN*.